HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 14 /2023/NQ-HĐND	*Vĩnh Long, ngày 12 tháng 12 năm 2023*

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định định mức, mức chi hỗ trợ cụ thể một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 7

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021- 2025;

Xét Tờ trình số 240/TTr-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết Quy định mức hỗ trợ cụ thể một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân

sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định định mức, mức chi hỗ trợ cụ thể một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

4. Hiệu lực thi hành

a) Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long Khóa X, Kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 12 tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 22 tháng 12 năm 2023.

b) Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 46/2022/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ cụ thể một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

c) Khi các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng theo Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó./.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

Bùi Văn Nghiêm

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Cục kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực IX;
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh Vĩnh Long;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công báo tỉnh, Cổng thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Định mức, mức chi hỗ trợ cụ thể một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long
(Kèm theo Nghị quyết số 14 /2023/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quy định này quy định định mức, mức chi hỗ trợ cụ thể một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long thực hiện theo Thông tư 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021- 2025.

b) Đối với các hoạt động, dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới có lồng ghép nguồn vốn sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương, ngân sách địa phương và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 1 của Thông tư 55/2023/TT-BTC.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng, quyết toán và thụ hưởng nguồn kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Chương II
QUY ĐỊNH ĐỊNH MỨC, MỨC CHI HỖ TRỢ CỤ THỂ

Điều 2. Mức chi hỗ trợ cụ thể thực hiện dự án, kế hoạch, phương án, mô hình từ nguồn ngân sách trung ương đối với Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới

Mức chi hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương: tối đa không quá 50% kinh phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch, phương án, mô hình được cấp có thẩm

quyền phê duyệt (không bao gồm các dự án, kế hoạch, phương án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất).

Điều 3. Định mức, mức chi hỗ trợ phát triển các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình, quy mô ấp

1. Mức chi hỗ trợ phát triển một (01) mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình, quy mô ấp từ nguồn ngân sách trung ương: thực hiện theo quy định tại Điều 2 của Quy định này.

2. Định mức hỗ trợ: Tối đa không quá 50 triệu đồng/mô hình.

Điều 4. Định mức, mức chi hỗ trợ xây dựng và phát triển hiệu quả các vùng nguyên liệu tập trung, chuyển đổi cơ cấu sản xuất, góp phần thúc đẩy chuyển đổi số trong nông nghiệp

1. Hỗ trợ chi phí tư vấn, giám sát và gắn mã vùng trồng, vùng thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) cho các cá nhân tổ chức. Ưu tiên cấp mã vùng trồng cho vùng sản xuất đã được đánh giá chứng nhận vùng trồng thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) và nông nghiệp hữu cơ.

a) Mức chi hỗ trợ: Tối đa 100% kinh phí.

b) Định mức hỗ trợ: Tối đa không quá 06 triệu đồng/mã số vùng trồng (đối với vùng trồng cây ăn trái có diện tích từ 10 ha trở lên), tối đa không quá 05 triệu đồng/mã số vùng trồng (đối với vùng trồng lúa có diện tích từ 10 ha trở lên); tối đa không quá 05 triệu đồng/mã số vùng trồng (đối với vùng trồng rau củ quả thực phẩm có diện tích từ 05 ha trở lên).

2. Hỗ trợ chi phí truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực xã, huyện, tỉnh.

a) Mức chi hỗ trợ: Tối đa 100% kinh phí.

b) Định mức hỗ trợ: Tối đa không quá 30 triệu đồng/cơ sở.

Điều 5. Định mức, mức chi hỗ trợ cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại

1. Mức chi hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương: tối đa không quá 50% kinh phí hỗ trợ cho một (01) cơ sở, tổ chức, cá nhân được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Định mức hỗ trợ: Tối đa không quá 400 triệu đồng/cơ sở, tổ chức, cá nhân.

Điều 6. Định mức, mức chi hỗ trợ điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP thuộc Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)

1. Mức chi hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương: Tối đa không quá 50% kinh phí xây dựng một (01) điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Định mức hỗ trợ: Tối đa không quá 50 triệu đồng/điểm.

Điều 7. Định mức, mức chi hỗ trợ lựa chọn, hoàn thiện và nhân rộng mô hình Hợp tác xã kiểu mới hiệu quả theo Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 03 tháng 02 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ

1. Mức chi hỗ trợ lựa chọn, hoàn thiện và nhân rộng một (01) mô hình hợp tác xã kiểu mới hiệu quả từ nguồn ngân sách trung ương: thực hiện quy định tại Điều 2 của Quy định này.

2. Định mức hỗ trợ: Tối đa không quá 100 triệu đồng/mô hình.

Điều 8. Định mức, mức chi hỗ trợ thực hiện Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới

1. Hỗ trợ phát triển điểm du lịch nông thôn và sản phẩm du lịch nông thôn mang đặc trưng vùng, miền.

a) Nội dung chi cụ thể thực hiện theo Quyết định số 922/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT về hướng dẫn nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Mức chi hỗ trợ: Tối đa không quá 50% kinh phí phát triển một (01) điểm du lịch nông thôn và sản phẩm du lịch nông thôn mang đặc trưng vùng, miền được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Định mức hỗ trợ: Tối đa không quá 200 triệu đồng/điểm.

2. Hỗ trợ xây dựng và triển khai một (01) mô hình thí điểm phát triển du lịch nông thôn theo hướng du lịch xanh, có trách nhiệm và bền vững.

a) Mức chi hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương: Thực hiện theo quy định tại Điều 2 của Quy định này.

b) Định mức hỗ trợ: Tối đa không quá 200 triệu đồng/mô hình.

Điều 9. Định mức, mức chi hỗ trợ thực hiện các Đề án/Kế hoạch tổ chức phân loại, thu gom, vận chuyển chất thải rắn trên địa bàn huyện; phát triển, nhân rộng các mô hình phân loại chất thải tại nguồn phát sinh

1. Hỗ trợ tổ chức thực hiện một (01) Đề án/Kế hoạch tổ chức phân loại, thu gom, vận chuyển chất thải rắn trên địa bàn huyện được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

a) Mức chi hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương: Thực hiện theo quy định tại Điều 2 của Quy định này.

b) Định mức hỗ trợ: Tối đa không quá 1.000 triệu đồng/đề án, kế hoạch.

2. Hỗ trợ thí điểm và hỗ trợ nhân rộng một (01) mô hình phân loại chất thải tại nguồn phát sinh.

a) Mức chi hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương: Thực hiện theo quy định tại Điều 2 của Quy định này.

b) Định mức hỗ trợ: Tối đa không quá 1.000 triệu đồng/mô hình, kế hoạch, dự án/huyện, thị xã/năm.

Điều 10. Định mức, mức chi hỗ trợ chi xây dựng các mô hình về thu gom, xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải hữu cơ, chất thải nông nghiệp, phụ phẩm nông nghiệp, chất thải nhựa theo nguyên lý tuần hoàn; mô hình cộng đồng dân cư không rác thải nhựa

1. Mức chi hỗ trợ xây dựng một (01) mô hình về thu gom, xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải hữu cơ, chất thải nông nghiệp, phụ phẩm nông nghiệp, chất thải nhựa theo nguyên lý tuần hoàn; mô hình cộng đồng dân cư không rác thải nhựa từ nguồn ngân sách trung ương: thực hiện theo quy định tại Điều 2 của Quy định này.

2. Định mức hỗ trợ: Tối đa không quá 1.000 triệu đồng/mô hình, kế hoạch, dự án/huyện, thị xã/năm.

Điều 11. Định mức, mức chi hỗ trợ đẩy mạnh xử lý, khắc phục ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường

1. Mức chi hỗ trợ xây dựng một (01) mô hình đẩy mạnh xử lý, khắc phục ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường từ nguồn ngân sách trung ương: thực hiện theo quy định tại Điều 2 của Quy định này.

2. Định mức hỗ trợ: Tối đa không quá 1.000 triệu đồng/mô hình, kế hoạch, dự án/huyện, thị xã/năm.

Điều 12. Định mức, mức chi hỗ trợ xây dựng và nhân rộng các mô hình ấp, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn

1. Mức chi hỗ trợ xây dựng và nhân rộng một (01) mô hình ấp, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn từ nguồn ngân sách trung ương: thực hiện theo quy định tại Điều 2 của Quy định này.

2. Định mức hỗ trợ: Tối đa không quá 50 triệu đồng/mô hình.

Điều 13. Định mức, mức chi hỗ trợ xây dựng và triển khai thí điểm mô hình thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới

1. Mức chi hỗ trợ xây dựng và triển khai thí điểm một (01) mô hình từ nguồn ngân sách Trung ương: Thực hiện theo quy định tại Điều 2 của Quy định này.

2. Định mức hỗ trợ: Tối đa không quá 100 triệu đồng/mô hình.

Điều 14. Định mức, mức chi hỗ trợ thực hiện Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh

1. Mức chi hỗ trợ triển khai thí điểm một (01) mô hình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới từ nguồn ngân sách trung ương: thực hiện theo quy định tại Điều 2 của Quy định này.

2. Định mức hỗ trợ: Tối đa không quá 500 triệu đồng/mô hình.

Điều 15. Định mức, mức hỗ trợ tổ chức các hoạt động hỗ trợ xây dựng mô hình, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các Chi hội, Tổ hội nông dân nghề nghiệp

1. Mức chi hỗ trợ: Tối đa không quá 50% kinh phí xây dựng mô hình, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các Chi hội, Tổ hội nghề nghiệp được phê duyệt.

2. Định mức hỗ trợ: Tối đa không quá 30 triệu đồng/mô hình.

Điều 16. Định mức, mức chi hỗ trợ triển khai hiệu quả Đề án "Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017-2025"

Định mức, mức chi hỗ trợ nhân rộng một (01) mô hình Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp tại địa phương; mạng lưới cố vấn/tư vấn cho các doanh nghiệp khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh và mới thành lập do phụ nữ làm chủ: thực hiện theo quy định tại Điều 15 của Quy định này.

Điều 17. Định mức, mức chi hỗ trợ xây dựng các mô hình điểm và nhân rộng các mô hình sẵn có nhằm vun đắp, gìn giữ giá trị tốt đẹp và phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam; thực hiện Cuộc vận động "Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch"

Định mức, mức chi hỗ trợ xây dựng một (01) mô hình điểm và nhân rộng một (01) mô hình sẵn có nhằm vun đắp, gìn giữ giá trị tốt đẹp và phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam; thực hiện Cuộc vận động "Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch": thực hiện theo quy định tại Điều 15 của Quy định này.

Điều 18. Định mức, mức chi hỗ trợ thí điểm và nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát của cộng đồng, huy động người dân tham gia giám sát cộng đồng

Định mức, mức chi hỗ trợ thí điểm và nhân rộng một (01) mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát của cộng đồng, huy động người dân tham gia giám sát cộng đồng: thực hiện theo quy định tại Điều 15 của Quy định này.